

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-PT
Ngày 18 - 5 - 2018
V/v tranh chấp tài sản sau ly hôn là quyền
sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông K'Tiêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc “*Tranh chấp tài sản sau ly hôn là quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 35/2018/QĐ-PT ngày 24-4-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Thái H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn K (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 02 năm 2018); địa chỉ: Số 79, đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị B; địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị B: Ông Nguyễn Khánh Linh, Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư Đức Duy tại Đắk Nông, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 255 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Bà Hoàng Thị T - Có mặt.

3.2. Anh Đặng Thái H1; địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2) - Vắng mặt

3.3. Chị Đặng Thị Hồng V; địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà H; địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-01-2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Thái H trình bày:

Ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 1993. Đến năm 2011 ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 23/2011/QĐST-HNGĐ, ngày 09-01-2011 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, về tài sản chung các bên tự thỏa thuận. Ngày 14-01-2011 ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản có chứng thực của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, đến ngày 12-02-2015 ông bà lập biên bản khác (có chứng thực của UBND xã Đ) thỏa thuận phân chia tài sản thay thế biên bản ngày 14-01-2011. Đối với thửa đất 234a tờ bản đồ số 9 diện tích 520m² là tài sản riêng của ông Đặng Thái H có trước thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên khi ông Đặng Thái H đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) thì xảy ra tranh chấp với bà Lê Thị B. Do vậy, ông Đặng Thái H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thửa đất số 234a tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản riêng của ông.

Bà Lê Thị B trình bày: Thống nhất với trình bày trên của ông Đặng Thái H, tuy nhiên tại thời điểm phân chia tài sản bà Lê Thị B và ông Đặng Thái H đều không biết trong tổng diện tích cụ thể đã nhận chuyển nhượng của ông Y và bà H còn một phần diện tích thuộc thửa đất 234a tờ bản đồ số 9 chưa được cấp GCNQSDĐ nên chỉ phân chia đối với thửa 234 tờ bản đồ số 9, nhưng ranh giới phân chia được xác định bao gồm diện tích của hai thửa đất 234 và 234a. Do đó, bà Lê Thị B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thái H và yêu cầu Tòa án giải quyết thửa đất 234a tờ bản đồ số 9 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày: Năm 2015 bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H có nhận chuyển nhượng và đổi đất với ông Đặng Thái H nội dung cụ thể ông Đặng Thái H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị T diện tích đất có chiều rộng 12m giáp Quốc lộ 28, chiều dài đến hết thửa đất với giá 600.000.000 đồng và đã xây dựng công trình vật kiến trúc trên phần diện tích đất

này. Do đó, ông Nguyễn Văn H bà Hoàng Thị T yêu cầu ông Đặng Thái H hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông bà khi có bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp xảy ra tranh chấp ông bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông quyết định: Giao ông Đặng Thái H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 382,4 m² và giao bà Lê Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 162,2 m² thuộc thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K (Có tứ cận kèm theo). Ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được phân chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-01-2018, bị đơn bà Lê Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia diện tích đất thuộc thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K cho bà và ông Đặng Thái H mỗi người ½ diện tích đất.

Ngày 29-01-2018, nguyên đơn ông Đặng Thái H kháng cáo không chấp nhận việc chia tài sản như bản án sơ thẩm vì cho rằng thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản riêng của ông.

Ngày 30-01-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia cho ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B mỗi người ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Thái H thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định diện tích đất 280,6m² thuộc đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài riêng của ông và đồng ý chia diện tích đất còn lại thuộc thửa đất nêu trên.

Bà Lê Thị B đề nghị Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và sẽ yêu cầu chia bằng một vụ án khác.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm về tố tụng, cụ thể: Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu giải quyết 520m² đất là tài sản riêng, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc chia diện tích đất trên. Mặt khác, kết quả thẩm định diện tích đất là 544,6m² nhưng không tiến hành các thủ tục tố tụng đối với diện tích đất lớn hơn. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định ông Đặng Thái H có công sức đóng góp nhiều hơn đối với thửa đất trên nên đã chia theo tỷ lệ ông Đặng Thái H 07 phần và bà Lê Thị B 03 phần là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm về việc chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản, bị đơn không có yêu cầu phản tố, song Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành chia thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là vi phạm nguyên tắc định đoạt của đương sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện ngày 19-01-2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Thái H yêu cầu Tòa án huyện Krông Nô giải quyết thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản riêng của ông. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Lê Thị B chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết thửa đất trên là tài sản chung của ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B trong thời kỳ hôn nhân và không yêu cầu phản tố về việc chia tài sản theo quy định tại Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Nô quyết định: Giao ông Đặng Thái H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 382,4 m² và giao bà Lê Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 162,2 m² thuộc thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu”*.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô và kháng cáo của các đương sự:

2.1. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét nội dung kháng nghị.

2.2. Xét kháng cáo của nguyên đơn là ông Đặng Thái H, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 10-10-1993 ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B kết hôn, ngày 03-01-1994 ông Đặng Thái H nhận chuyển nhượng diện tích đất của gia đình bà H có xác nhận của UBND xã Đ, nay là các thửa đất số 234 và 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K (bút lục số 213). Tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định khi nhận chuyển nhượng đất cả ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B đều có mặt. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Thái H khẳng định trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9 có một phần diện tích đất là tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014 thì: “*Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*”. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Nô kết luận thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản chung của ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B có trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Thái H thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Yêu cầu Tòa án xác định 280,6m² thuộc đất thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K do ông khai hoang trước khi kết hôn là tài sản riêng của ông và yêu cầu chia diện tích đất còn lại thuộc thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật, song Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nội dung thay đổi yêu cầu của nguyên đơn vượt quá nội dung kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không được xem xét giải quyết. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thái H.

2.3. Xét kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị B: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị B thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản chung của bà và ông Đặng Thái H có trong thời kỳ hôn nhân và bà sẽ yêu cầu chia tài sản bằng một vụ án khác. Theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nội dung thay đổi kháng cáo tại phiên tòa của bà Lê Thị B không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thái H và chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bà Lê Thị B tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thái H.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Thái H phải chịu toàn bộ số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Thái H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết thửa đất số 234a, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại buôn K, xã Đ, huyện K là tài sản riêng của ông và bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết thửa đất trên là tài sản chung của ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B có trong thời kỳ hôn nhân.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể:

“2. Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau: a) Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch”. Như vậy, ông Đặng Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

4.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Đặng Thái H và bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thái H và chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị B, sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thái H.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Buộc ông Đặng Thái H phải chịu 4.480.000đ (*Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) tạm ứng và được hoàn trả số tiền 2.520.000đ (*Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Thái H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp và được hoàn trả số tiền 3.450.000đ (*Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0003438 ngày 09-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Đặng Thái H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000156 ngày 29-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả cho bà Lê Thị B 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000155 ngày 26-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương